

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ – ST

Ngày 16/4/2025.

V/v: Ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao

2. Ông Hoàng Viết Thống

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 775/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXX – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1980

Địa chỉ: G N, tổ dân phố G, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Thanh S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày: Tôi và ông Hồ Thanh S có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 07/08/2023, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến hôn nhân hai vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay, hai vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 9/2024 mà không có biện

pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân chúng tôi không còn tình cảm với nhau, do đó không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho tôi được ly hôn với ông Hồ Thanh S.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

2. Bị đơn ông Hồ Thanh S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị N

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Đỗ Thị N được ly hôn với ông Hồ Thanh S.

- *Về con chung*: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – ông Hồ Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của ông Hồ Thanh S tại phiên tòa: Ông S đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của

Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt ông Hồ Thanh S.

[3]. Về nội dung: Giữa bà Đỗ Thị N và ông Hồ Thanh S có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/8/2023 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho ông được ly hôn với ông Hồ Thanh S.

3.1. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà N và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án bà N đều có xác nhận trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, vào năm 2024 bà Đỗ Thị N cũng làm đơn yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Hồ Thanh S, tuy nhiên do mong muốn hai vợ chồng được được tự và tự giải quyết được mâu thuẫn nên bà N đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ xét xử theo quyết định đình chỉ số 83 ngày 06/5/2024, sau khi hai vợ chồng về đoàn tụ một thời gian thì hai vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn mà không có biện pháp hàn gắn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa bà N và ông S có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị N đối với ông Hồ Thanh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Đỗ Thị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013581 ngày 26/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị N được ly hôn với ông Hồ Thanh S.

1.2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Đỗ Thị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013581 ngày 26/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- TAND tỉnh Đắk Lắk; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ, TA.

Y Kam Ênuôl